

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tiến Thân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đào Thị T**, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Số C, đường H, thị trấn L, huyện C, Đài Loan.

Số định danh cá nhân 034195011810.

Số hộ chiếu K0361451 do Cục Q cấp ngày 25/4/2022.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số C, Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Số định danh cá nhân 034093008495.

(Chị T, anh H, chị C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai điều đề ngày 09/6/2023, Nguyên đơn - chị Đào Thị T yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Xuân H và trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Xuân H tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 06/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống, khác biệt trong tính cách, quan điểm sống, phong cách sinh hoạt khác nhau nên hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hạnh phúc. Chị và anh H đã cố gắng hòa giải với nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm nhưng không kết quả. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào khoảng đầu năm 2022, vợ chồng phải sống ly thân. Ngày 05/7/2022, chị sang Đài Loan sinh sống và làm việc, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, sau khi suy nghĩ kỹ và cảm thấy cuộc sống hôn nhân đã quá ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với Bị đơn:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cho anh Nguyễn Xuân H thông qua gia đình anh H, nhưng anh H không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án.

***/ Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1969, nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình là mẹ đẻ của bị đơn - anh Nguyễn Xuân H trình bày:**

Chị T quen biết với anh H con trai bà trong hoàn cảnh anh H, chị T cùng làm công nhân ở tỉnh Bắc Giang, sau thời gian tự tìm hiểu thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh H chung sống với nhau ở tỉnh Bắc Giang, thỉnh thoảng bà có gọi điện hỏi thăm thì được biết anh chị có mâu thuẫn, xảy ra cãi vã nhưng không nói rõ nguyên nhân. Gia đình hai bên nhiều lần động viên, khuyên nhủ anh chị nhưng không có kết quả. Khoảng cuối năm 2022, bà mới biết chị T đã đi lao động ở Đài Loan trong khi anh H vẫn lao động ở Bắc Giang. Tháng 11/2023,

anh H đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, bà không rõ anh H đi nước nào, địa chỉ hiện nay ở đâu, nhưng bà vẫn thường xuyên liên hệ với anh H qua điện thoại.

Bà đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án cho anh H và thông tin việc Tòa án yêu cầu anh H trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn và cung cấp địa chỉ hiện nay của anh H cho Tòa án. Quan điểm của anh H là anh H và chị T không thể hàn gắn mâu thuẫn, anh nhất trí ly hôn chị T; không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, về tài sản chung, nợ chung vì không có đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, anh không thể cung cấp địa chỉ nơi ở hiện nay của anh tại nước ngoài. Vì vậy bà đề nghị Tòa án tiếp tục gửi các văn bản của vụ án này cho bà, bà cam kết sẽ thông báo lại cho anh H.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đào Thị T ly hôn anh Nguyễn Xuân H. Về quan hệ con chung, tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Đào Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Xuân H theo thủ tục chung, chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp Bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt (các văn bản này đều có chứng thực của Văn phòng K tại Đ).

Bị đơn - anh Nguyễn Xuân H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Mẹ đẻ anh H trình bày anh H đã đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nhưng bà không rõ đi nước nào, địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H là ở đâu nhưng bà khẳng định anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Tại Công văn số 138/PA08 ngày 08/3/2024 của Phòng Q1 Công an tỉnh T thể hiện không thấy thông tin cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Xuân H. Điều này thể hiện anh H cố tình giấu địa chỉ hiện nay. Tòa án đã giao các văn

bản tố tụng của Tòa án cho thân nhân của anh H và đã niêm yết công khai văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H ở Việt Nam nhưng anh H không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp bản khai và địa chỉ cụ thể của anh hiện nay cho Tòa án, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Đào Thị T và anh Nguyễn Xuân H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân của chị Đào Thị T và anh Nguyễn Xuân H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách dẫn đến xảy ra cãi vã, mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào đầu năm 2022, vợ chồng đã ly thân. Theo mẹ đẻ anh H thì mâu thuẫn của vợ chồng anh chị phát sinh trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng bà không biết rõ mâu thuẫn là gì; khoảng cuối năm 2022, chị T đi lao động ở Đài Loan, tháng 11/2023 anh H cũng đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh H biết chị T xin ly hôn vì được mẹ đẻ thông báo nhưng anh cũng có quan điểm nhất trí ly hôn. Cần xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế để chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh H là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị T và anh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã thông tin qua bà H1 (mẹ đẻ anh H) hướng dẫn anh H trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh H không có lời khai, không có yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

[2] **Về quan hệ con chung:** Không đặt ra giải quyết.

[3] **Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

[4] **Về án phí:** Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005720 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn